

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 226/2024/HC-PT

Ngày 10/04/2024

V/v “*Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khánh;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Ông Thái Duy Nhiệm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lê, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân, kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 748/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 51/2023/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3198/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Khắc H, sinh ngày 06/5/1963; địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

* **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: Tiểu khu A, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thị xã N:

1. Ông Nguyễn Kim K - Phó Chánh văn phòng HĐND và UBND thị xã N; có mặt.

2. Ông Lê Ngọc Đ - Viên chức ban giải phóng mặt bằng thị xã N; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Phạm Văn Q - Chủ tịch UBND xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Khắc T, sinh năm 1991 và chị Nguyễn Thị L; cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1, anh T, chị L: Ông Nguyễn Khắc H, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2022, đơn khởi kiện bổ sung và rút một phần đơn khởi kiện vụ án hành chính ngày 01/02/2023, quá trình giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:*

1. Đất gia đình ông có nguồn gốc là mua của ông Trần Văn R ở thôn T, xã T, huyện T (nay là thị xã N) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/02/2003. Nội dung Hợp đồng: Diện tích đất chuyển nhượng 26.061 m² gồm: Loại đất Nuôi trồng thủy sản (NTTS) diện tích 20.900 m², đất trồng cây hàng năm (TCHN) diện tích 5.161 m². Thửa đất NTTS đoạn từ ngang cống Hói Bản đến cống Đồng Đập; đất TCHN gồm thửa 910, 911, 951, 950, 947, 948, 949, 945, 947b, 948b, 949b, tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính. Tài sản trên đất có 1 nhà tranh 2 gian, diện tích 18 m². Giá chuyển nhượng 15.000.000 đồng. Cam kết khác: Kể từ tháng 02/2003 ông H phải thực hiện các nghĩa vụ về đất với Nhà nước. Hợp đồng này được lập tại UBND xã T ngày 24/02/2003 thành 2 bản và có hiệu lực từ ngày UBND cấp có thẩm quyền dưới đây xác nhận được chuyển nhượng. Phần ghi của cơ quan Nhà nước: Về giấy tờ sử dụng đất: Chưa có trích lục, gia đình tự khai hoang cải tạo; Chủ sử dụng đất hợp pháp diện tích 26.061 m² đúng số thửa, tờ bản đồ nêu trên. Đất sử dụng ổn định không có tranh chấp. UBND xã T ký xác nhận, đóng dấu ngày 24/02/2003.

2. Đất gia đình ông mua của ông Nguyễn Văn T1 công dân thôn T, xã T, huyện T (nay là thị xã N) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003. Nội dung Hợp đồng: Diện tích 480 m², loại đất lúa màu, tại thửa 1092 tờ bản đồ số 16, thời hạn đến năm 2014. Cán bộ địa chính ký thẩm định, UBND xã T ký xác nhận đóng dấu ngày 07/7/2003.

Như vậy, đất mà gia đình ông mua của gia đình ông Trần Văn R, ông Nguyễn Văn T1 năm 2003 liền một khoảnh có tổng diện tích là 26.541 m² (trong đó đất NTTS diện tích 20.900 m²; đất trồng lúa màu 5.641 m², trên đất mua của

ông R có nhà ở). Đất của ông R thuộc đất khai hoang; đất của ông T1 là đất được giao trồng lúa. Đất này được chủ sử dụng hợp pháp, được Nhà nước công nhận quyền sở hữu đã chuyển nhượng lại cho gia đình ông là đúng, được pháp luật cho phép (Việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Mẫu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Thông tư số 1883 ngày 17/11/2001 của Tổng cục địa chính ban hành).

Gia đình ông sử dụng ổn định từ đó đến nay là 19 năm, ông phải bỏ công sức, tiền của để thuê lao động, máy móc cải tạo, nạo vét lòng hồ, đắp bờ thì mới có thể sản xuất nuôi tôm và trồng trọt được, hơn nữa từ khi sử dụng cho đến nay không có tranh chấp, hàng năm đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, đóng các loại phí, thuế cho Nhà nước (trực tiếp là UBND xã T thu).

Năm 2022 Nhà nước thu hồi đất tại xã T thuộc dự án: Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trục chính phía Tây- Khu K. Tại Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 của UBND thị xã N thu hồi đất của gia đình ông một phần diện tích là 5.045,0 m² tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 07 trên tổng diện tích 26.061,7 m². Cùng ngày 30/4/2022 Chủ tịch UBND thị xã N ký Quyết định số 3622/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, gia đình ông chỉ được chi trả cho số tiền 22.925.000 đồng gọi là tiền Chính sách hỗ trợ, không bồi thường tiền đất, công tôn tạo cải tạo đất, vật nuôi cây trồng trên đất, nhất là con giống vật nuôi như tôm chưa đến vụ thu hoạch vv...

Như vậy, Quyết định số 3639 ngày 30/4/2022 của chủ tịch UBND thị xã N thu hồi 5.045,0 m² trên tổng diện tích 26.511 m². Diện tích đất này gia đình ông mua bán chuyển nhượng đúng quy định của pháp luật về đất đai từ ông R, ông T1 năm 2003, có sự chứng kiến của cán bộ địa chính, có xác nhận của chính quyền xã T và sử dụng ổn định cho đến nay lại không được chính quyền thị xã N bồi thường và cho rằng đất này là của UBND xã T và phê duyệt phương án bồi thường đất cho UBND xã T là không đúng, vì:

Thứ nhất: Đất gia đình ông mua của ông R, ông T1 bằng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại trụ sở UBND xã T do cán bộ địa chính soạn thảo theo Hợp đồng mẫu căn cứ vào Thông tư 1883 ngày 22/11/2011 của Tổng cục địa chính, được chính cán bộ địa chính ký xác nhận, Chủ tịch ký đóng dấu. Nếu đất không thuộc quyền sở hữu của ông R, ông T1 thì tại sao UBND xã T lại đồng ý để cho 2 ông này chuyển nhượng cho ông. Theo quy định của pháp luật về đất đai, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa 2 bên là khách quan công khai, có chính quyền địa phương xác nhận, sau khi được nhận chuyển nhượng, đất này thuộc sở hữu của gia đình ông, khi Nhà nước thu hồi ông phải được bồi thường theo giá đất nuôi trồng thủy sản mới đúng. Việc Ban GPMB của thị xã N nói đây

là đất SÔNG thuộc quyền quản lý của UBND xã T là trái quy định, nếu đất này thuộc quản lý của UBND xã T thì cán bộ địa chính, Chủ tịch xã T không thể đồng ý để ông R, ông T1 chuyển nhượng đất cho ông.

Thứ hai: Trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì: Đất của ông R diện tích 26.061 m², trên đất đã có nhà ở 3 gian 18 m². Phần ghi của cơ quan Nhà nước có ghi: Về giấy tờ sử dụng đất: Chưa có trích lục, đất gia đình khai hoang cải tạo ... sử dụng đúng mục đích ... đúng chủ sử dụng hợp pháp và có đầy đủ sổ thừa, tờ bản đồ. Tương tự về đất của ông Trường hợp đ ghi: Đất trồng cây hàng năm ... đúng chủ sử dụng ... lúa màu. Vậy tại sao Ban GPMB-UBND thị xã N tự dựng lên là đất SÔNG do UBND xã T quản lý để tạo có áp đặt không bồi thường cho gia đình ông là trái quy định của pháp luật.

Thứ ba: Sau khi nhận được đất chuyển nhượng hợp pháp từ ông R, ông T1 năm 2003 gia đình đã có đơn đề nghị UBND xã T cho phép cải tạo đất, cán bộ địa chính ký thẩm định, chính Chủ tịch UBND xã T ký xác nhận đồng ý thì gia đình ông mới tập trung tiền của, công sức, thuê nhân công, máy móc cải tạo khu đất (gọi là sông cụt) này để sản xuất mới được như ngày nay; Hàng năm phải thực hiện nghĩa vụ đóng các khoản phí, thuế cho Nhà nước đầy đủ, không vi phạm về quản lý đất đai, đặc biệt là 19 năm nay gia đình ông sử dụng đất không có tranh chấp, chứ không phải đất SÔNG như UBND thị xã N xác định. Khi thu hồi không tính công tôn tạo giữ gìn đất, bồi thường đất cho ông là không đúng.

Thứ tư: Năm 2012, UBND xã T họp xem xét nguồn gốc đất gia đình ông đang sử dụng tại xã T thuộc dự án đường dây 35KV xác định: Đất của gia đình ông Nguyễn Khắc H nguồn gốc mua lại của ông Trần Văn R thôn T, xã T sử dụng sau ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993 ... ông H sử dụng ổn định có nhà ở, không có tranh chấp. Hội nghị đề nghị hỗ trợ hành lang bị hạn chế trên không, diện tích hạn chế 656,88 m².

Điều đặc biệt là năm 2010 theo chủ trương chung, UBND xã T thông báo về việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình sử dụng đất, ông đã có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ gửi UBND xã T ngày 21/6/2010 được cán bộ địa chính thẩm định đúng, Chủ tịch ký chấp nhận đề nghị UBND huyện T cấp GCNQSDĐ khu đất này, đến nay chưa được cấp.

Luật Đất đai năm 1987, 1993 sửa đổi năm 1998, 2003 và các văn bản của Chính phủ đều quy định cho phép: Người sử dụng đất được quyền chuyển, nhượng, bán nhà ở, vật kiến trúc khác, cây lâu năm mà người sử dụng đất có được trên đất hợp pháp. Theo Điều 100 của Luật Đất đai 2013 thì đất của ông có một trong các loại giấy tờ được xem xét cấp GCNQSDĐ và ông sở hữu, sử dụng do Hợp đồng chuyển nhượng mua bán hợp pháp, có chính quyền đồng ý cho phép,

sử dụng ổn định, không tranh chấp, không vi phạm việc sử dụng đất. Do vậy khi Nhà nước thu hồi phục vụ lợi ích quốc gia phải bồi thường diện tích đã thu hồi cho gia đình ông mới đúng pháp luật.

Ông yêu cầu phải bồi thường diện tích thu hồi 5.061,0 m² tại xã T theo hạng mục đất nuôi trồng thủy sản theo giá hiện hành khi thu hồi đất.

Từ những căn cứ nêu trên, ông H đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Khắc H đang sử dụng tại xã T, thị xã N để thực hiện dự án: Đầu tư dự án xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây- Khu K.

- Hủy Quyết định số 3622/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC dự án: Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây - Khu K. Địa điểm: xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (đợt 28).

Ngày 01/02/2021, ông Nguyễn Khắc H rút một phần đơn khởi kiện đối với diện tích đất 480 m², loại đất Lúa màu, tại thửa 1092, tờ bản đồ số 16 mua của ông Nguyễn Văn T1. Vì diện tích đất 480 m² không nằm trong diện bị thu hồi; ông đề nghị không đưa ông Nguyễn Văn T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

** Tại Công văn số 3330/UBND-GPMB ngày 31/7/2022 và Công văn số 2336/UBND-GPMB ngày 30/5/2023, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Chủ tịch UBND thị xã N) trình bày:*

1. Thông tin thửa đất trên hệ thống hồ sơ địa chính, bản đồ, mục kê xã T qua các thời kỳ.

Đối với việc xác định vị trí diện tích 5.054,0 m² đất NNTS thu hồi theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 của UBND thị xã N. Diện tích thu hồi nêu trên thuộc sông C vị trí từ cống Hói Bản đến ngang cống Đ, nằm ở vị trí giáp các thửa đất 928, 925, 29 (phía Đông); Giáp các thửa đất số 1128, 1129, 1127, 1116, 1115 (phía Tây), thuộc tờ bản đồ số 16, 19 theo bản đồ địa chính xã T vẽ năm 1998.

Diện tích 5.054,0 m² đất NNTS thu hồi theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 do UBND thị xã N về việc thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Khắc H đang sử dụng tại xã T, thị xã N thuộc một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ số 07, loại đất SON thuộc trích đo bản đồ địa chính khu đất số 01/TĐBĐ-2015, tỷ lệ 1/1000 dự án: Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây - Khu K do Công ty Cổ phần T3 vẽ, được Giám đốc Sở T4 phê duyệt ngày 31/12/2015.

Theo bản đồ 299 xã T vẽ năm 1987, phần diện tích đất thu hồi thuộc tờ bản đồ số 03, không ghi số thửa, trên bản đồ ghi “SON”, không có mục kê.

Theo bản đồ địa chính xã T vẽ năm 1998, diện tích đất thu hồi thuộc tờ bản đồ số 16, 19, không ghi số thửa, trên bản đồ ghi “Sông C”, sổ mục kê mang tên đất Sông C do UBND xã T quản lý.

Theo bản đồ hiện trạng đo vẽ năm 2011: Thuộc một phần thửa đất số 09, tờ bản đồ số 60, diện tích nguyên thửa 8.097,5 m², loại đất SON, trên bản đồ ghi “Sông C”; sổ mục kê ghi UBND xã quản lý; một phần thửa đất số 25, tờ bản đồ số 120, diện tích nguyên thửa 9.657,3 m², loại đất SON, trên bản đồ ghi “Sông C”, sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng ông Nguyễn Khắc H với lý do hiện trạng tại thời điểm đo đạc ông Nguyễn Khắc H đang nuôi trồng thủy sản trên đất sông.

Theo bản đồ trích đo dự án năm 2017 thuộc tờ bản đồ số 7, diện tích nguyên thửa 10.452,6 m², diện tích thu hồi 5.054,0 m², loại đất SON thuộc trích đo bản đồ địa chính khu đất số 01/TĐBĐ-2017, tỷ lệ 1/1000 dự án: Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây - Khu K do Công ty Cổ phần T3 vẽ, được Giám đốc Sở T4 phê duyệt ngày 8/3/2017.

Tại Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 của UBND thị xã N nêu theo bản đồ trích đo phê duyệt ngày 31/12/2015. Do năm 2017 dự án điều chỉnh trích đo khu đất số 01/TĐBĐ-2017, tỷ lệ 1/1000 đo vẽ, được phê duyệt ngày 8/3/2017.

2. Kết quả xác định nguồn gốc đất của UBND xã T

Biên bản xác định nguồn gốc, mục đích, thời điểm sử dụng đất của Hội đồng xác định nguồn gốc đất xã T họp ngày 31/3/2022 đã xác định nguồn gốc và quá trình sử dụng đất như sau:

Thửa đất số 40, tờ bản đồ trích đo số 07, diện tích nguyên thửa 10.452,6 m², diện tích thu hồi 5.054,0 m², loại đất SON là đất Sông do UBND xã quản lý. Gia đình ông Nguyễn Khắc H đã tận dụng đoạn sông cắt để ngăn nuôi trồng thủy sản. Việc nuôi trồng thủy sản trên đoạn sông cắt hiện nay của hộ ông Nguyễn Khắc H được xác định như sau:

Năm 1994 UBND xã T giao thầu cho hộ ông Trần Văn T2 và ông Trần Văn R đến năm 2003 ông Trần Văn R không có điều kiện canh tác sản xuất nên đã nhượng lại khu vực cho ông Nguyễn Khắc H.

Diện tích thu hồi thực hiện dự án thửa đất nêu trên là đất sông do UBND xã quản lý, hộ gia đình ông Nguyễn Khắc H sử dụng, không đủ điều kiện bồi thường về đất. Vì vậy đề nghị UBND thị xã N thu hồi diện tích trong mốc 5.054,0 m² cho hộ ông Nguyễn Khắc H sử dụng đất có nguồn gốc là đất sông do UBND xã quản lý.

3. Kết quả thu hồi đất phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ:

Trên cơ sở kết quả kiểm kê hiện trạng thửa đất số 40, tờ bản đồ số 07, diện tích thu hồi 5.054,0 m², loại đất SON, căn cứ bản đồ hiện trạng và bản đồ địa chính xã T qua các thời kỳ, kết quả xác định nguồn gốc đất của UBND xã T ngày 31/3/2022.

Căn cứ quy định tại Điều 4, Chương II, Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh T về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và quy định việc xác định giá trị bồi thường; Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh T sửa đổi tên gọi và một số điều của Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh và Quy định việc xác định giá trị bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh. Các quy định của Pháp luật liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. UBND thị xã N đã ban hành các quyết định sau:

- + Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 về việc thu hồi đất do ông Nguyễn Khắc H đang sử dụng tại xã T, thị xã N để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây - Khu K.

- + Quyết định số 3622/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC dự án Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây- Khu K.

- Hội đồng BT-HT-TĐC dự án đã tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định phê duyệt nêu trên, với số tiền là 22.925.000 đồng, hộ gia đình đã nhận tiền vào ngày 28/7/2022.

Như vậy, việc UBND thị xã N thu hồi diện tích 5.054,0 m² hộ gia đình ông Nguyễn Khắc H đang sử dụng, loại đất là đất SON (đất sông) do UBND xã T quản lý là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy đối với những yêu cầu của người khởi kiện theo quan điểm của UBND thị xã N là không có cơ sở. UBND thị xã N đề nghị Tòa án xem xét, quyết định.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- UBND xã T trình bày: Thống nhất quan điểm của UBND thị xã N về trình tự, thủ tục thu hồi đất hộ ông H đúng theo quy định của Nhà nước. UBND xã căn cứ bản đồ địa chính qua các thời kỳ và đối tượng sử dụng đất thì Hội đồng xét duyệt xác định nguồn gốc đất của UBND xã T xác định đây là đất sông do UBND xã T quản lý, do vậy không đủ cơ sở để xem xét bồi thường cho hộ ông Nguyễn Khắc H.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành mở phiên họp công khai tiếp cận tài liệu, chứng cứ và tiến hành đối thoại theo quy định của Luật tổ tụng hành chính, nhưng các bên không thống nhất được cách giải quyết, do đó vụ án được đưa ra xét xử theo trình tự sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 51/2023/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã căn cứ vào khoản 1 Điều 158; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Điều 163 Luật Đất đai năm 2013; Điều 47 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; khoản 1 Điều 32; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 480 m², loại đất Lúa màu, tại thửa 1092, tờ bản đồ số 16 là đất ông H mua của ông Nguyễn Văn T1. Không đưa ông Nguyễn Văn T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Khắc H về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Khắc H đang sử dụng tại xã T, thị xã N để thực hiện dự án: Đầu tư dự án xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây- Khu K.

- Hủy Quyết định số 3622/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC dự án: Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây - Khu K. Địa điểm: xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (đợt 28).

- Không xem xét đối với yêu cầu của ông Nguyễn Khắc H buộc UBND thị xã N trả công cho ông H khai hoang, cải tạo diện tích 5.054,0 m² đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 07, thời gian gần 20 năm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/8/2023 người khởi kiện ông Nguyễn Khắc H có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Khắc H, hủy Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Khắc H, hủy Quyết định số 3622/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC dự án: Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây - Khu K. Ban GPMB - UBND thị xã N bồi thường tiền thu hồi đất theo giá đất nuôi trồng thủy sản và tính công cải tạo đất đã thu hồi.

Trong trường hợp đánh giá chứng cứ không chính xác và chứng cứ chưa thu thập đủ, rõ ràng để kết luận vụ án, đề nghị hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Khắc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Quyết định hành chính bị khiếu kiện và các văn bản có liên quan được ban hành đúng trình tự, thủ tục; nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Kháng cáo của ông Nguyễn Khắc H không có căn cứ để chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Khắc H có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 204, 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã T, thị xã N vắng mặt nhưng có đơn xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H1, anh Nguyễn Khắc T, chị Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Ngày 22/6/2022, ông Nguyễn Khắc H khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa yêu cầu hủy Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 về việc thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Khắc H đang sử dụng tại xã T, thị xã N và Quyết định số 3622/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC của UBND thị xã N. Đây là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời

hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Khắc H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

Thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây - Khu K, UBND thị xã N thu hồi 5.054,0 m² đất do hộ ông Nguyễn Khắc H đang sử dụng tại xã T, thị xã N; thuộc một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ số 07, trích đo bản đồ địa chính số 01/TĐĐC-2015, do Công ty cổ phần T3 vẽ, được Giám đốc Sở T4 phê duyệt ngày 31/12/2015 nên UBND thị xã N ban hành Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 về việc thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Khắc H đang sử dụng tại xã T, thị xã N và Quyết định số 3622/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về nguồn gốc sử dụng đất và nội dung các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Ông Nguyễn Khắc H cho rằng căn cứ Điều 100 của Luật Đất đai 2013 đất của ông H có một trong các loại giấy tờ được xem xét cấp GCNQSDĐ và ông sở hữu, sử dụng do Hợp đồng chuyển nhượng mua bán hợp pháp, có chính quyền đồng ý cho phép, sử dụng ổn định, không tranh chấp, không vi phạm việc sử dụng đất. Nên khi nhà nước thu hồi phục vụ lợi ích quốc gia phải bồi thường diện tích đã thu hồi cho gia đình ông mới đúng pháp luật.

Xét thấy, Theo bản đồ 299 xã T vẽ năm 1987, phần diện tích đất thu hồi thuộc tờ bản đồ số 03, trên bản đồ ghi “SON”. Theo bản đồ địa chính xã T vẽ năm 1998, diện tích đất thu hồi thuộc tờ bản đồ số 16, 19, không ghi số thửa, trên bản đồ ghi “Sông C”, sổ mục kê mang tên đất Sông C do UBND xã T quản lý. Theo bản đồ hiện trạng đo vẽ năm 2011: Thuộc một phần thửa đất số 09, tờ bản đồ số 60, diện tích nguyên thửa 8.097,5 m², loại đất SON, trên bản đồ ghi “Sông C”; sổ mục kê ghi UBND xã quản lý; một phần thửa đất số 25, tờ bản đồ số 120, diện tích nguyên thửa 9.657,3 m², loại đất SON, trên bản đồ ghi “Sông C”, sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng ông Nguyễn Khắc H đây là hiện trạng tại thời điểm đo đạc ông Nguyễn Khắc H đang nuôi trồng thủy sản trên đất sông.

Tại Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 26/4/2023 thể hiện: Trên cơ sở ghép bản đồ 299 và bản đồ hiện trạng + bản đồ năm 1998 và lồng ghép bản đồ trên Google map có kết quả: Theo bản đồ 299, bản đồ năm 1998 và bản đồ trên Google map đều thể hiện phần đất thu hồi của gia đình ông H là một phần đất sông.

Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là ông Trần Văn R, bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Khắc H, ngày 24/02/2003, có chứng thực của UBND xã T. Theo đó chuyển nhượng loại đất NTTS 20.900 m², ĐNTTS Sông Vằng đoạn từ ngang cống Hón Bản đến ngang cống Đ. Như vậy, ngay trong Hợp đồng chuyển nhượng đã thể hiện là đất Sông V. Trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên có ghi: “*chưa có trích lục đất, đất gia đình tự khai hoang cải tạo*”. Tuy nhiên, Theo bản đồ 299 xã T vẽ năm 1987, phần diện tích đất trên thuộc tờ bản đồ số 03, trên bản đồ ghi “SON”. Do đó, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi đất gia đình ông R tự khai hoang là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên thấy các Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 của UBND thị xã N về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Khắc H; Quyết định số 3622/QĐ-UBND ngày 30/4/2022 của UBND thị xã N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC được ban hành đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc H về việc yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Đối với yêu cầu buộc UBND thị xã N trả công cho ông H khai hoang, cải tạo diện tích 5.054,0 m² đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 07, thời gian gần 20 năm.

Tại biên bản kiểm đếm ông H không kê khai số lượng vật nuôi, cây trồng và trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng không chứng minh được công sức tôn tạo trong quá trình cải tạo, sử dụng đất bị thu hồi. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông H là có căn cứ.

[3] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Khắc H, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Do ông Nguyễn Khắc H là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Nguyễn Khắc H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 51/2023/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; ông Nguyễn Khắc H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Khánh